

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2

Số: 1580/QĐ-ĐHSPHN2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Căn cứ Quyết định số 128/CP ngày 14 tháng 8 năm 1967 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Hà Nội 2;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại Biên bản họp ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc thông qua các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ sửa đổi, bổ sung năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCLGD.

### QUYẾT ĐỊNH:

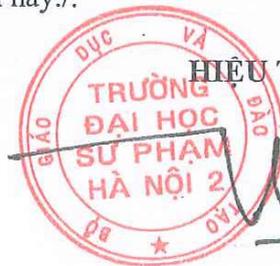
**Điều 1.** Ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các phòng TC-HC, Đào tạo, Tài vụ; Giám đốc Trung tâm KT&ĐBCLGD, trưởng các khoa, Viện trưởng Viện CNTT và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (đề t/h);
- Lưu: TC-HC, ĐT, KT&ĐBCLGD (6).



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Huy

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số 1580/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 15 tháng 8 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

*Tiếng Việt: Lý luận văn học*

*Tiếng Anh: Literary Theory*

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Lý luận văn học;

Mã số: 8220120

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Lý luận văn học

Định hướng đào tạo: Nghiên cứu

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Nghiên cứu, giảng dạy, quản lý chuyên môn và các vị trí khác thuộc chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và các viện nghiên cứu.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: Có thể học lên trình độ tiến sĩ về Lý luận văn học.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 7/2022

**1. Mục tiêu****1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo thạc sĩ Lý luận văn học theo định hướng nghiên cứu giúp người học có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, khả năng làm việc độc lập và sáng tạo, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề để triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực Lý luận văn học.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Mã	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp
M2	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến Lý luận văn học.
M3	Phát triển tư duy phân biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.
M4	Phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong lĩnh vực lý luận văn học.
M5	Phát triển năng lực truyền bá, phổ biến tri thức khoa học thuộc lĩnh vực lý luận văn học.
M6	Phát triển năng lực tư vấn, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực lý luận văn học.

Mã	Mô tả
M7	Phát triển năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về lĩnh vực lý luận văn học.
M8	Phát triển năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

Mã	Mô tả
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Thể hiện sự trung thực, đoàn kết, cầu thị, hợp tác, tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
C3	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C4	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lý luận văn học.
C5	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực được đào tạo và kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan để thực hiện các nghiên cứu khoa học về lý luận văn học.
C6	Cập nhật các thành tựu và xu hướng nghiên cứu liên quan đến lý luận văn học.
C7	Xác định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực lý luận văn học, vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.
C8	Phổ biến kết quả nghiên cứu trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành.
C9	Tư vấn, tổ chức, quản lý và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực lý luận văn học.
C10	Tổ chức hội nghị khoa học và các sinh hoạt học thuật chuyên ngành.
C11	Tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học về lý luận văn học.

### 2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	x		x	x			x	x
C2	x		x	x	x		x	
C3				x	x	x		x
C4		x	x	x	x		x	
C5		x	x	x		x		
C6		x		x	x	x		x
C7		x		x		x		x
C8				x	x	x		
C9						x	x	
C10					x		x	
C11					x	x		

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>I</b>	<b>Kiến thức chung</b>	<b>9</b>
I.1	Triết học	4
I.2	Tiếng Anh	5
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>	<b>14</b>
II.1	Bắt buộc	8
II.2	Tự chọn	6
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>14</b>
III.1	Bắt buộc	8
III.2	Tự chọn	6
<b>IV</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>	<b>24</b>
IV.1	Các chuyên đề nghiên cứu	12
IV.2	Luận văn tốt nghiệp	12
	<b>TỔNG</b>	<b>61</b>

### 4. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập; Có trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

\* Danh mục ngành phù hợp: Văn học, Sư phạm Ngữ văn.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

#### 5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo với tổng khối lượng 37 tín chỉ (không tính các chuyên đề nghiên cứu).

- Hoàn thành 03 chuyên đề nghiên cứu, mỗi chuyên đề nghiên cứu có khối lượng 04 tín chỉ.

- Hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu trong thời gian ít nhất 06 tháng, kết quả được thể hiện bằng luận văn.

#### 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng

cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## **6. Cách thức đánh giá**

### **6.1. Chiến lược đánh giá**

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

### **6.2. Đánh giá kết quả học tập**

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

#### **6.2.1. Đánh giá học phần (trừ chuyên đề nghiên cứu)**

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại Đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

#### **6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ**

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

#### **6.2.3. Đánh giá chuyên đề nghiên cứu**

Các chuyên đề nghiên cứu được đánh giá bởi hội đồng chuyên môn. Điểm của một chuyên đề nghiên cứu là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng theo thang điểm 10; Chuyên đề được xếp loại Đạt khi điểm chuyên đề lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm.

#### 6.2.4. Đánh giá luận văn

Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá luận văn. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; Luận văn được xếp loại Đạt khi điểm luận văn lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

### 7. Nội dung chương trình

#### 7.1. Khung chương trình

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
<b>I. Khối kiến thức chung</b>			<b>9</b>					
1	Triết học	PHIL502	4	42	36			122
2	Tiếng Anh	ENGL503	5	45		60		145
<b>II. Khối kiến thức cơ sở</b>			<b>14</b>					
<b>II.1. Bắt buộc</b>			<b>8</b>					
3	Thi pháp học	LITE551	2	15	30			55
4	Ngôn ngữ và văn học	LITE552	2	15	30			55
5	Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học	LITE553	2	15	30			55
6	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường	LITE554	2	15	30			55
<b>II.2. Tự chọn (Chọn 3 trong số 9 học phần sau)</b>			<b>6</b>					
7	Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông	LLTM561	2	15	30			55
8	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông	LLTM562	2	15	30			55
9	Tiếp nhận văn học	LLTM563	2	15	30			55
10	Những vấn đề lý luận của văn học so sánh	LLTM564	2	15	30			55
11	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam	LLTM565	2	15	30			55
12	Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945	LLTM566	2	15	30			55
13	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975	LLTM567	2	15	30			55
14	Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng	LLTM568	2	15	30			55
15	Ngôn ngữ nghệ thuật	LLTM569	2	15	30			55
<b>III. Khối kiến thức chuyên ngành</b>			<b>14</b>					
<b>III.1. Bắt buộc</b>			<b>8</b>					
16	Chủ nghĩa Marx và nghiên cứu văn học	LITH571	2	15	30			55

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành		
17	Văn học và các loại hình nghệ thuật	LITH572	2	15	30			55
18	Loại thể văn học và vấn đề nghệ thuật xây dựng nhân vật	LITH573	2	15	30			55
19	Các trường phái nghiên cứu văn học	LITH574	2	15	30			55
<b>III.2. Tự chọn (Chọn 3 trong số 11 học phần sau)</b>			<b>6</b>					
20	Thơ Việt Nam hiện đại từ góc nhìn thể loại	LITH581	2	15	30			55
21	Lý luận và lịch sử văn học kịch Việt Nam đầu thế kỉ XX	LITH582	2	15	30			55
22	Lý luận tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	LITH583	2	15	30			55
23	Vấn đề chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam	LITH584	2	15	30			55
24	Chủ nghĩa hậu hiện đại	LITH585	2	15	30			55
25	Kí hiệu học văn học	LITH586	2	15	30			55
26	Diễn ngôn văn học và thực hành phân tích diễn ngôn	LITH587	2	15	30			55
27	Lý luận văn học và đọc hiểu văn bản văn học	LITH588	2	15	30			55
28	Tiểu thuyết Minh - Thanh từ góc nhìn thể loại	LITH589	2	15	30			55
29	Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại	LITH590	2	15	30			55
30	Những cách tân về thể loại của văn xuôi Việt Nam sau 1975	LITH591	2	15	30			55
<b>IV. Nghiên cứu khoa học</b>			<b>24</b>					
<b>IV.1. Các chuyên đề nghiên cứu</b>			<b>12</b>					
	Chuyên đề nghiên cứu 1		4					200
	Chuyên đề nghiên cứu 2		4					200
	Chuyên đề nghiên cứu 3		4					200
<b>IV.2. Luận văn tốt nghiệp</b>			<b>12</b>					
<b>TỔNG CỘNG:</b>			<b>61</b>					

### 7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
PHIL502	T				I		I				
ENGL503			T		I	I		I			
LITE551		T				T					
LITE552		T			T						
LITE553		T			T						

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
LITE554		T			T						
LLTM561		T					U				
LLTM562		T			T						T
LLTM563		T				T				T	
LLTM564		T				T					
LLTM565		T			T						
LLTM566		T			T						
LLTM567		T			T						
LLTM568		T			T						
LLTM569		T			T						
LITH571		T				T					
LITH572		T				T					
LITH573		T									T
LITH574		T							T		
LITH581		T				T	I				
LITH582		T					T				
LITH583		T				T					
LITH584		T					T				I
LITH585		T				T		I			
LITH586		T				T					I
LITH587		T				T				I	
LITH588		T					U	I			
LITH589		T					T				
LITH590		T					T				
LITH591		T					T		I		
Chuyên đề nghiên cứu 1	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Chuyên đề nghiên cứu 2	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Chuyên đề nghiên cứu 3	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Luận văn tốt nghiệp	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T

### 7.3. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I		II	
		1	2	3	4
	<b>Các học phần chung</b>				
PHIL502	Triết học	4			
ENGL503	Tiếng Anh	5			
	<b>Tổng cộng kỳ 1</b>	<b>9</b>			
	<b>Các học phần cơ sở</b>				
	<b>Bắt buộc</b>		<b>8</b>		
LITE551	Thi pháp học		2		
LITE552	Ngôn ngữ và văn học		2		
LITE553	Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học		2		

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I		II	
		1	2	3	4
LITE554	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường		2		
	<b>Tự chọn (Chọn 3 trong 9 học phần)</b>		<b>6</b>		
LLTM561	Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông		2		
LLTM562	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông		2		
LLTM563	Tiếp nhận văn học		2		
LLTM564	Những vấn đề lý luận của văn học so sánh		2		
LLTM565	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam		2		
LLTM566	Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945		2		
LLTM567	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975		2		
LLTM568	Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng		2		
LLTM569	Ngôn ngữ nghệ thuật		2		
<b>Tổng cộng kỳ 2</b>			<b>14</b>		
<b>Các học phần chuyên ngành</b>					
<b>Bắt buộc</b>					
				<b>8</b>	
LITH571	Chủ nghĩa Marx và nghiên cứu văn học		2		
LITH572	Văn học và các loại hình nghệ thuật		2		
LITH573	Loại thể văn học và vấn đề nghệ thuật xây dựng nhân vật		2		
LITH574	Các trường phái nghiên cứu văn học		2		
	<b>Tự chọn (Chọn 3 trong 11 học phần)</b>		<b>6</b>		
LITH581	Thơ Việt Nam hiện đại từ góc nhìn thể loại		2		
LITH582	Lý luận và lịch sử văn học kịch Việt Nam đầu thế kỉ XX		2		
LITH583	Lý luận tiểu thuyết Việt Nam hiện đại		2		
LITH584	Vấn đề chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam		2		
LITH585	Chủ nghĩa hậu hiện đại		2		
LITH586	Kí hiệu học văn học		2		
LITH587	Diễn ngôn văn học và thực hành phân tích diễn ngôn		2		
LITH588	Lý luận văn học và đọc hiểu văn bản văn học		2		
LITH589	Tiểu thuyết Minh - Thanh từ góc nhìn thể loại		2		
LITH590	Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại		2		
LITH591	Những cách tân về thể loại của văn xuôi Việt Nam sau 1975		2		
<b>Tổng cộng kỳ 3</b>			<b>14</b>		
	Chuyên đề nghiên cứu 1				4
	Chuyên đề nghiên cứu 2				4
	Chuyên đề nghiên cứu 3				4
	Luận văn tốt nghiệp				12
<b>Tổng cộng kỳ 4</b>					<b>24</b>

## 8. Mô tả tóm tắt các học phần

### 8.1. Triết học (4 tín chỉ)

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

### **8.2. Tiếng Anh (5 tín chỉ)**

Học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo có khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B2 (tương đương bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) truyền đạt cho người học, cùng với quá trình rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ này.

### **8.3. Thi pháp học (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp học như: một số vấn đề cơ bản của thi pháp học hiện đại (quan niệm, đối tượng, cách tiếp cận đặc trưng; phân biệt thi pháp học với phong cách học, lý luận văn học); những khuynh hướng nghiên cứu và thành tựu của thi pháp học (Thi pháp học khái quát, Thi pháp học mô tả, Thi pháp học lịch sử); Tiềm năng và những giới hạn của thi pháp học.

Học phần này cung cấp một hướng giải mã văn bản văn học, do đó nó có mối quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học*, *Các trường phái nghiên cứu văn học*, *Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông*.

### **8.4. Ngôn ngữ và văn học (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học; giúp người học hiểu, giải thích được bản chất của hoạt động giao tiếp văn chương, đặc biệt là vai trò của tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn chương. Từ đó vận dụng những tri thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn chương, về tín hiệu thẩm mỹ văn chương để phục vụ hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản văn học và phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học thuộc chuyên ngành ngôn ngữ như *Ngôn ngữ nghệ thuật*, *Tiếp nhận văn học*, *Thi pháp học*, *Kí hiệu học văn học*.

### **8.5. Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức khoa học về phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học. Từ đó, người học có thể ứng dụng vào việc nghiên cứu và giảng dạy cụ thể tác gia, tác phẩm. Học phần có mối quan hệ gần với các học phần *Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông*, *Tiếp nhận văn học*, *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập*.

### **8.6. Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường (2 tín chỉ)**

Học viên tiếp tục nghiên cứu mở rộng vấn đề dạy học môn Ngữ văn trong bối cảnh quốc tế với các xu hướng đổi mới. Thông qua học phần này, học viên được tiếp cận với

các nghiên cứu quốc tế về ngôn ngữ và văn học, đánh giá theo tiếp cận năng lực, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới thiết kế bài học... Đồng thời giúp học viên rèn luyện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong quá trình nghiên cứu và học tập của chuyên ngành. Học phần có mối quan hệ gần với các học phần chuyên ngành Lý luận và PPDH bộ môn Văn - Tiếng Việt.

### **8.7. Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông (2 tín chỉ)**

Học phần này có vai trò quan trọng đối với việc đào tạo cao học Lý luận văn học bởi thực tiễn đã cho thấy đại bộ phận học viên cao học ngữ văn trong các trường ĐHSP là giáo viên phổ thông và sinh viên sư phạm mới tốt nghiệp. Ở trình độ đại học, người học mới được tìm hiểu về các vấn đề Lý luận văn học. Khi học cao học, học viên sẽ tiếp tục được ứng dụng các lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn. Từ đó, người học có thể phát triển chương trình học phần, thiết kế các nội dung giảng dạy và hiểu được cách thức, phương pháp giảng dạy nội dung đó.

Học phần này thể hiện sự ứng dụng cụ thể của lý thuyết lý luận văn học vào thiết kế và dạy học Ngữ văn, do đó, nó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lý luận văn học khác và những học phần thuộc về phương pháp giáo dục như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập, Tiếp nhận văn học, Thi pháp học, Lý luận văn học và đọc hiểu văn bản văn học, Kí hiệu học văn học...*

### **8.8. Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông (2 tín chỉ)**

Người học đi sâu nghiên cứu, phân tích những đặc trưng cơ bản của văn học nước ngoài; những khó khăn khi giảng dạy văn học nước ngoài ở phổ thông; giúp người học phát triển khả năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học trên cơ sở so sánh các văn bản văn học trong và ngoài nước. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần về chuyên ngành phương pháp như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập, Tiểu thuyết Minh - Thanh từ góc nhìn thể loại,...*

### **8.9. Tiếp nhận văn học (2 tín chỉ)**

Học phần này đi vào một phần lý thuyết hiện đại của lý luận văn học là mỹ học tiếp nhận. Trước đây, người ta chưa nhận thức đúng mức vai trò của người đọc trong hoạt động văn học, tuy nhiên khi lý thuyết tiếp nhận ra đời và được ứng dụng, vai trò của người đọc đã được nâng lên một tầm mức mới. Lúc này, nghiên cứu văn học được định hình như là những cách đọc xuất phát từ những lý thuyết khác nhau mà mỗi lý thuyết là một cách nhìn về tác phẩm. Ở trình độ đại học, sinh viên đã được giới thiệu sơ lược một số vấn đề về Tiếp nhận văn học trong đó nhấn trọng tâm vào phương pháp tiếp nhận. Ở trình độ thạc sĩ, người học có điều kiện đi sâu vào tìm hiểu các vấn đề của lý thuyết tiếp nhận văn học hiện đại và cách ứng dụng lý thuyết này vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy văn học.

Học phần này quan tâm đến sự giải mã văn học của người đọc, do đó nó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lý luận văn học như *Thi pháp học, Những vấn đề lý luận của văn học so sánh* và các học phần văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, ngôn ngữ trong

chương trình như *Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông, Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945, Ngôn ngữ nghệ thuật...*

#### **8.10. Những vấn đề lý luận của văn học so sánh (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học những tri thức mang tính lý luận về văn học so sánh như: Lịch sử ra đời, những quan niệm về văn học so sánh; mục đích, đối tượng, phạm vi... của văn học so sánh; Những vấn đề lý luận và thực tiễn đang tồn tại của văn học so sánh trên thế giới và ở Việt Nam. Qua đó, học viên có những hiểu biết sâu rộng về các vấn đề của văn học so sánh - một hướng nghiên cứu văn học có khả năng ứng dụng cao.

Học phần này quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học, Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam, Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945, Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông...*

#### **8.11. Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam (2 tín chỉ)**

Học phần nhấn mạnh những đặc trưng của văn học Việt Nam trung đại: quy phạm - bất quy phạm, văn tự, thể loại, khuynh hướng sáng tác, ngôn ngữ...; đặt tác phẩm văn học trung đại trong bối cảnh văn hóa đương thời. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

#### **8.12. Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945 (2 tín chỉ)**

Học phần tiếp tục mở rộng, đào sâu phát triển các nội dung khoa học về văn xuôi Việt Nam 1930-1945; nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy văn xuôi Việt Nam hiện đại tại các cơ sở đào tạo; phát triển các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn xuôi hiện đại một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

#### **8.13. Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975 (2 tín chỉ)**

Học phần bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; phát triển những kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác gia, tác phẩm văn học, Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

#### **8.14. Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng (2 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào một số nội dung có tính thời sự trong đời sống ngôn ngữ - xã hội ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay, đó là vấn đề ngôn ngữ trong giáo dục (dạy học tiếng mẹ đẻ, ngoại ngữ; vấn đề lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy trong môi trường đa ngữ; vấn đề kế hoạch hoá ngôn ngữ trong giảng dạy; chính sách ngôn ngữ trong giáo dục v.v.); vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong đời sống xã hội (sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường, trên

các phương tiện thông tin đại chúng); vấn đề dịch, từ điển học, bệnh lý ngôn ngữ; quan hệ giữa ngôn ngữ và luật pháp (ngôn ngữ học hình sự). Từ những tri thức này, người học có thể vận dụng vào hoạt động giảng dạy hoặc nghiên cứu ngôn ngữ nói chung, nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng nói riêng. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam như *Ngôn ngữ và văn học*.

#### **8.15. Ngôn ngữ nghệ thuật (2 tín chỉ)**

Học phần *Ngôn ngữ nghệ thuật* cung cấp cho học viên Cao học chuyên ngành Ngôn ngữ học các nội dung nghiên cứu về: Cơ sở lý thuyết của việc tiếp cận ngôn ngữ nghệ thuật (Những vấn đề chung về nghệ thuật, lý thuyết tín hiệu học và lý thuyết ngôn ngữ học, cơ sở tâm lý học-văn hóa học), bản chất và chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng của văn bản nghệ thuật; đồng thời học phần trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản văn học nghệ thuật của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Từ những tri thức đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông hoặc vận dụng vào mục đích nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như: *Ngôn ngữ và văn học, Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học, Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

#### **8.16. Chủ nghĩa Marx và nghiên cứu văn học (2 tín chỉ)**

Chủ nghĩa Marx là một hệ thống tư tưởng lớn, trường phái nghiên cứu văn học được ứng dụng rộng rãi, có tầm ảnh hưởng lớn trên phạm vi thế giới trong suốt thế kỉ XX và ngay cả thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, trước đây, khi nói về thành tựu lý luận văn nghệ Marxist, chúng ta nhận thức về vấn đề này chưa thực sự đầy đủ. Phần lớn các giáo trình mới chỉ đề cập đến lý luận Marxist kinh điển của Marx, Engels, Lenin còn thành tựu lý luận Marxist phương Tây lại chưa được quan tâm thỏa đáng. Do vậy, môn *Chủ nghĩa Marx và nghiên cứu văn học* đặt vấn đề xem xét, nhận thức về lý luận Mac-xit một cách hệ thống và toàn diện bao gồm cả lý luận Marxist Xô viết và lý luận Marxist phương Tây. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động nghiên cứu và giảng dạy văn học trên phương diện lý luận và thực tiễn. Học phần này có liên quan đến nhiều học phần khác trong chương trình như: *Tiếp nhận văn học, Các trường phái nghiên cứu văn học, Vấn đề chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam...*

#### **8.17. Văn học và các loại hình nghệ thuật (2 tín chỉ)**

Học phần này đặt văn học trong hệ thống các loại hình nghệ thuật. Trong thực tế, văn học có quan hệ với nhiều yếu tố khác nhau như quan hệ với hiện thực, với tác giả, với bạn đọc, với các hình thái ý thức thuộc kiến trúc thượng tầng... song trong các quan hệ này, quan hệ giữa văn học với các loại hình nghệ thuật như hội họa, điêu khắc, âm nhạc, điện ảnh... giữ một vai trò quan trọng. Sự quan trọng này được thể hiện ở sự ảnh hưởng, chuyển hóa giữa các loại hình nghệ thuật. Mặt khác, nghiên cứu văn học như một loại hình nghệ

thuật còn giúp thấy rõ hơn đặc trưng của bộ môn. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học*.

#### **8.18. Loại thể văn học và vấn đề nghệ thuật xây dựng nhân vật (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức lý luận về thể loại văn học: từ nội dung khám phá hiện thực đời sống đến đặc điểm nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật ở từng thể loại văn học. Qua đó người học sẽ có một cái nhìn vừa bao quát vừa cụ thể về những vấn đề xoay quanh từng loại thể. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học*, *Thơ Việt Nam hiện đại từ góc nhìn thể loại*, *Tiểu thuyết Minh - Thanh từ góc nhìn thể loại*, *Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, *Những cách tân về thể loại của văn xuôi Việt Nam sau 1975...*

#### **8.19. Các trường phái nghiên cứu văn học (2 tín chỉ)**

Môn *Các trường phái nghiên cứu văn học* nhằm giới thiệu cho các học viên cao học những trường phái lý luận phê bình văn học nổi tiếng trên thế giới. Trên cơ sở đó, học viên có thể chuyển hóa chúng thành các thao tác có tính chất phương pháp luận và ứng dụng vào hoạt động nghiên cứu và giảng dạy văn học. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học*, *Thi pháp học*, *Diễn ngôn văn học và thực hành phân tích diễn ngôn...*

#### **8.20. Thơ Việt Nam hiện đại từ góc nhìn thể loại (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức lý luận trên cơ sở quá trình vận động của hệ thống những quan niệm về thơ trong đời sống thể loại của thơ Việt Nam hiện đại. Từ đó giúp học viên có được những hiểu biết chuyên sâu về thực tiễn thơ Việt Nam hiện đại. Nội dung chính: Khẳng định thơ là thể loại xuất hiện rất sớm và có vị trí đặc biệt trong lịch sử văn học nhân loại. Khái quát hệ thống những quan niệm về thơ qua các thời đại của các nhà lý luận, các tác giả thơ. Xác định khái niệm thơ; mối quan hệ giữa nhà thơ, cái tôi trữ tình và nhân vật trữ tình trong thơ; đặc trưng của thơ từ góc độ cảm xúc và suy nghĩ; vấn đề phản ánh hiện thực trong thơ; một số phương diện hình thức thơ (kết cấu, thể thơ, ngôn ngữ...); vấn đề thể loại thơ. Học phần đồng thời giúp học viên nhận thấy những chặng đường phát triển, những vấn đề đặt ra trong từng giai đoạn vận động của thơ Việt Nam hiện đại từ góc nhìn đặc trưng, bản chất của thể loại thơ. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học*, *Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975*.

#### **8.21. Lý luận và lịch sử văn học kịch Việt Nam đầu thế kỷ XX (2 tín chỉ)**

Đầu thế kỷ XX, Việt Nam mới có kịch nói (trước đó chỉ có kịch hát). Đồng thời đây cũng là thời điểm các nhà nghiên cứu Việt Nam bắt đầu quan tâm đến việc xây dựng hệ thống lý thuyết cho kịch. Học phần cung cấp cho học viên những hiểu biết về lịch sử hình thành và phát triển của kịch Việt Nam thế kỷ XX. Từ đó chỉ ra những thành tựu và những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển kịch nửa đầu thế kỷ XX. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học*, *Loại thể văn học và vấn đề nghệ thuật xây dựng nhân vật*.

### **8.22. Lý luận tiểu thuyết Việt Nam hiện đại (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lý luận thể loại tiểu thuyết. Học phần cũng mang đến cho học viên một cái nhìn mang tính tổng quan về các giai đoạn phát triển của lý luận tiểu thuyết ở Việt Nam từ thế kỷ XX đến nay. Những tri thức đó nhằm giúp học viên vận dụng để nghiên cứu tiểu thuyết từ góc độ đặc trưng thể loại hoặc đặc điểm thi pháp; bên cạnh đó giúp học viên củng cố thêm nhận thức về quá trình phát triển lý luận của các thể loại văn học khác nói chung. Nội dung chính: Khái lược chung về lý luận tiểu thuyết; những đặc trưng cơ bản của thể loại tiểu thuyết. Học phần cũng phác thảo sự phát triển của lý luận tiểu thuyết ở Việt Nam từ thế kỷ XX đến nay qua các thời kỳ. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học, Lý luận văn học và đọc hiểu văn bản văn học, Tiểu thuyết Minh - Thanh từ góc nhìn thể loại*.

### **8.23. Vấn đề chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam như: Bản chất của chủ nghĩa hiện thực (Sự độc đáo về mặt phương pháp nghệ thuật; Điển hình nghệ thuật và hiện tượng của thời đại; Những khả năng nhận thức và sáng tạo; Vấn đề hiện thực và ước lệ trong nghệ thuật; Những tìm tòi về mặt phong cách nghệ thuật; Chủ nghĩa nhân đạo); Sự độc đáo của chủ nghĩa hiện thực trong các giai đoạn phát triển của văn học Việt Nam; Những giá trị nổi bật của chủ nghĩa hiện thực trong các giai đoạn phát triển của văn học Việt Nam. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học, Chủ nghĩa Marx và nghiên cứu văn học, Các trường phái nghiên cứu văn học, Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945...*

### **8.24. Chủ nghĩa hậu hiện đại (02 tín chỉ)**

Học phần giúp cho học viên: Tìm hiểu nguồn gốc và khái niệm chủ nghĩa hậu hiện đại; Tìm hiểu những đặc trưng của chủ nghĩa hậu hiện đại: tính chất huyền ảo; tính chất mảnh vỡ; sự lai ghép, đa trị; tính cực hạn; Tìm hiểu những thành tựu của một số tác gia tiêu biểu: Franz Kafka, Gabriel Garcia Marquez, Raymond Carver... Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học, Các trường phái nghiên cứu văn học*.

### **8.25. Kí hiệu học văn học (2 tín chỉ)**

Học phần này cung cấp cho học viên những tri thức về kí hiệu học văn học bao gồm các vấn đề: khái niệm, cấu trúc, loại hình, vấn đề lập mã và giải mã kí hiệu... Từ đó, người học có thể ứng dụng phương pháp kí hiệu học vào việc nghiên cứu và giảng dạy cụ thể tác phẩm. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học, Ngôn ngữ nghệ thuật...* và các học phần nghiên cứu về thể loại văn học trong chương trình.

### **8.26. Diễn ngôn văn học và thực hành phân tích diễn ngôn (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề cơ bản của lý thuyết diễn ngôn - một trong những hướng nghiên cứu, tiếp cận văn học đang rất được quan tâm hiện nay. Nhìn từ phương diện này, văn học được xem là một loại hình diễn ngôn. Xét đến cùng, mọi vấn đề được đề cập trong tác phẩm văn học đều là sản phẩm của diễn ngôn. Diễn ngôn kiến tạo

tri thức, kiến tạo hiện thực. Muốn lý giải diễn ngôn văn học, cần phải tìm ra các thiết chế tham gia vào việc kiến tạo diễn ngôn. Trên cơ sở nắm bắt các bình diện lý luận quan trọng về diễn ngôn, người học có thể ứng dụng, chuyển hóa hệ thống kiến thức đó vào hoạt động nghiên cứu và giảng dạy văn học. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học, Kí hiệu học văn học...*

#### **8.27. Lý luận văn học và đọc hiểu văn bản văn học (2 tín chỉ)**

Học phần mang đến cho học viên những hiểu biết về xu hướng sử dụng lý luận văn học để đọc hiểu tác phẩm văn học trong chương trình và sách giáo khoa các nước phát triển; về vị trí quan trọng của đọc hiểu tác phẩm trong chương trình giáo dục phổ thông mới môn Ngữ văn; về vai trò của lý luận văn học với việc đọc hiểu tác phẩm. Cùng với đó, học phần sẽ hệ thống hoá thành những bộ công cụ bao gồm các thuật ngữ, khái niệm, vấn đề lý luận văn học phục vụ cho đọc hiểu từng thể loại văn học (những thể loại có tác phẩm trong chương trình giáo dục phổ thông mới môn Ngữ văn). Trên cơ sở đó, học phần sẽ trang bị cho học viên những chiến lược và kĩ thuật đọc hiểu từng thể loại. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học, Kí hiệu học văn học, Ngôn ngữ nghệ thuật...* và các phần nghiên cứu về thể loại văn học trong chương trình.

#### **8.28. Tiểu thuyết Minh - Thanh từ góc nhìn thể loại (2 tín chỉ)**

Tiểu thuyết Minh-Thanh là một trong bốn đỉnh cao của văn học cổ Trung Hoa (tản văn Tiên Tần, thơ Đường, kịch Nguyên và tiểu thuyết Minh - Thanh) và cũng là giai đoạn cuối cùng của văn học cổ điển Trung Quốc - giai đoạn đánh dấu sự chuyển mình, phát triển đến độ thành thực, mẫu mực nhất của của tiểu thuyết. Nghiên cứu tiểu thuyết Minh - Thanh từ góc nhìn thể loại, học phần khái quát các đặc điểm thể loại của tiểu thuyết Trung Quốc nói chung; áp dụng lý thuyết lý luận về loại, thể vào việc phân loại, phân tích đặc điểm chung, riêng của tiểu thuyết đời Minh và tiểu thuyết đời Thanh. Từ đó, học phần cũng chỉ ra sự phát triển của tiểu thuyết qua một chặng đường dài tới 17 thế kỷ (từ Thần thoại thời cổ đại, qua Truyện Chí quái chí nhân đời Tấn, đến Đường truyền kì, Thoại bản Tống Nguyên, và cuối cùng là Tiểu thuyết Minh - Thanh); lý giải giá trị, sức hấp dẫn của những bộ tiểu thuyết cổ điển như: *Tam quốc diễn nghĩa, Tây du ký, Liêu trai chí dị, Hồng lâu mộng...* từ góc độ thể loại. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học, Loại thể văn học và vấn đề nghệ thuật xây dựng nhân vật, Lý luận văn học và đọc hiểu văn bản văn học, Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông...*

#### **8.29. Văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại (2 tín chỉ)**

Học phần trình bày một cách khái quát những vấn đề xoay quanh các thể loại văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; những đặc điểm nội dung và thi pháp của từng thể loại cụ thể; gợi mở, đặt ra một số vấn đề trong mối quan hệ giữa văn xuôi trung đại và văn xuôi đương đại; vấn đề nghiên cứu, giảng dạy một số tác phẩm cụ thể. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học, Loại thể văn học và vấn đề nghệ thuật xây dựng nhân vật, Lý luận văn học và đọc hiểu văn bản văn học...*

### **8.30. Những cách tân về thể loại của văn xuôi Việt Nam sau 1975 (2 tín chỉ)**

Học phần trình bày một cách khái quát những vấn đề xoay quanh các thể loại văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại; những đặc điểm nội dung và thi pháp của từng thể loại cụ thể; gợi mở, đặt ra một số vấn đề trong mối quan hệ giữa văn xuôi trung đại và văn xuôi đương đại; vấn đề nghiên cứu, giảng dạy một số tác phẩm cụ thể. Học phần này có liên quan chặt chẽ tới học phần *Tiếp nhận văn học, Loại thể văn học và vấn đề nghệ thuật xây dựng nhân vật, Lý luận văn học và đọc hiểu văn bản văn học...*

### **8.31. Các chuyên đề nghiên cứu (12 tín chỉ)**

Chuyên đề nghiên cứu là các học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Lý luận văn học theo định hướng nghiên cứu. Thông qua thực hiện các chuyên đề nghiên cứu, học viên tìm hiểu sâu các vấn đề mang tính nguyên lý liên quan đến lĩnh vực Lý luận văn học, đồng thời phát triển những năng lực cần thiết để thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực được đào tạo. Mỗi học viên lựa chọn 03 chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Lý luận văn học, thực hiện nghiên cứu chuyên đề dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả nghiên cứu các chuyên đề có thể được phát triển thành luận văn tốt nghiệp.

### **8.32. Luận văn tốt nghiệp (12 tín chỉ)**

Học viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu, kết quả được thể hiện bằng luận văn tốt nghiệp. Luận văn tốt nghiệp là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên; có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Lý luận văn học.

## **9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo**

### **9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

#### **9.1.1. Nhà trường**

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.
- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.
- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

#### **9.1.2. Phòng Đào tạo**

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.
- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.
- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên.
- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

#### **9.1.3. Khoa Ngữ văn**

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên.

- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

- Tham gia kiểm định chất lượng.

#### 9.1.4. Bộ môn Lý luận văn học

- Phối hợp cùng Khoa và Phòng Đào tạo trong công tác quản lý, tổ chức đào tạo.

#### 9.1.5. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

#### 9.1.6. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.

- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

### 9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

#### 9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

#### 9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

#### 9.2.3. Công bố chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

#### 9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

**HIỆU TRƯỞNG**